

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT
Ngày: 29 - 3 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền nhận khoán trồng rừng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 68/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận khoán trồng rừng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ; cư trú tại: Thôn M6, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần M; cư trú tại: Thôn M6, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Trung H; cư trú tại: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Ông Trần Văn T (chết 5/2020);

3. Ông Trần Trọng Ta (có mặt);

4. Bà Trần Thị Đg;

Đại diện theo ủy quyền cho bà Đg: Ông Trần Trọng Ta (Giấy ủy quyền ngày 25/3/2021).

5. Bà Hồ Thị Th (có mặt).

Cùng cư trú tại: Làng Groi, xã Kon Thup, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

6. Ban quản L rừng phòng hộ T; địa chỉ Khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông L Phùng Lê – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Hồng Sâm – Cán bộ kỹ Thuật (Giấy ủy quyền ngày 25/3/2021)

7. Ông Trần Văn Thi (có mặt);

8. Ông Trần Văn H (có mặt);

9. Bà Trần Thị Tho (có mặt);

10. Bà Trần Thị Ch (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

11. Bà Võ Thị Thà (có mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn M6, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị N;

2. Ông Phan Xuân L

Cùng cư trú tại: Thôn M6, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông Trần M là cha ruột của ông, ông M và gia đình của ông cùng đăng ký kê khai trong một sổ hộ khẩu (gồm 07 nhân khẩu) theo hộ khẩu số 37; hộ gia đình ông ở chung hộ khẩu với ông Trần M cho đến năm 2005 thì mới tách thành hộ khẩu riêng (hộ khẩu số 2238). Năm 1999 ông Trần M đại diện hộ gia đình ông ký hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T theo chương trình 327, diện tích là 13,7 ha tại thửa đất Thộc lô 647, khoảng 7, tiểu khu 228 ở thôn Th, xã B, huyện T, Bình Định. Sau khi nhận khoán gia đình ông đã đầu tư trồng trọt chăm sóc cây trên đất. Ông và ông Trần M đã khai thác 02 đợt cây. Đến tháng 5/2018, ông Trần M tự ý chuyển nhượng quyền Thê khoán với diện tích 6,96 ha nằm trong thửa đất rừng trên cho ông Nguyễn Trung H mà không được sự đồng ý của hộ gia đình. Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền khoán gây trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất rừng nói trên giữa ông Trần M và ông Nguyễn Trung H và giao lại diện tích đất đó cho hộ gia đình ông ký hợp đồng Thê khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T vì diện tích đất rừng này nằm trong 7,5 ha đất mà hộ ông được nhận khoán với Lâm trường T (N 1995) nhưng do cha ông Trần M đứng tên. Trên toàn bộ diện tích đất có cây đào và cây keo hiện do ông trồng, cha là Trần M trồng 02 ha vào năm 2012; năm 2016 ông Trần Văn T trồng 01 ha, em là Trần Thị Phư trồng 02 ha.

Bị đơn ông Trần M trình bày:

Ông là cha ruột của ông Trần Văn Đ. Thời điểm ký hợp đồng khoán gây trồng rừng phòng hộ (N 1999) thì ông sống chung với vợ chồng con trai là Trần Văn Đ. Nhưng sau đó cha con không Thận, ông đã dọn ra ở riêng tại Hồ Thận Ninh vào năm 2005, sau này chuyển vào diện tích đất nhận khoán gây trồng rừng của lâm trường huyện T (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ T). Diện tích trồng rừng trên là vào năm 1999 ông ký hợp đồng khoán gây trồng rừng phòng hộ số 70/95 với Lâm trường huyện T, thời hạn 30 năm, diện tích ban đầu Lâm trường huyện T giao cho ông là 7,5 ha nhưng sau đó ông mua của bà Phạm Thị N 6,2 ha và mua của người khác nên được Lâm trường huyện T ký lại hợp đồng khoán (năm 1999) với diện tích là 13,7 ha, thuộc lô 647, khoảng 7, tiểu khu 228 thôn Thận Ninh, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Theo hợp đồng khoán thì ông phải chịu trách nhiệm với Lâm trường huyện T bảo vệ nuôi dưỡng và phát triển tốt rừng theo đúng mục đích yêu cầu phòng hộ của công trình và của địa phương. Về quyền thì ông được thanh toán tiền công khoán trồng rừng phòng hộ sau khi nghiệm Th theo thời giá Nhà nước đầu tư hàng năm. Ông là người trực tiếp quản lý, khai thác một diện tích, hộ gia đình con trai ông là Trần Văn Đ khai thác một diện tích

khoản 5 hay 6 ha ông không rõ. Phần diện tích của ông trồng ông đã khai thác và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung H, hợp đồng ký tay bán là 8,3 ha nhưng trong đó, ông khai hoang vỡ hóa lần sang vùng đất thuộc Lâm trường huyện Phù Cát (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phù Cát) quản L diện tích là 1,4 ha. Toàn bộ nguồn giống phân bón, ngày công chăm sóc Lâm trường huyện T đã chi trả xong tiền công cho ông. Người nhận khoán chỉ bỏ công coi giữ rừng là chính. Nay ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu chia diện tích đất trên theo sổ nhân khẩu vào thời điểm cân đối giao quyền thì ông không đồng ý. Diện tích đất rừng trên ông chỉ nhận khoán công việc với Lâm trường huyện T, ông chỉ nhận thực hiện công việc, còn đất là thuộc quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T. Hết hạn giao khoán rừng ông cũng trả lại cho Ban quản L rừng. Việc ông Trần Văn Đ yêu cầu chia đất, đòi hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền Thê khoán đất rừng giữa ông với ông Nguyễn Trung H là không có căn cứ. Ông yêu cầu Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông thống nhất giao cho hộ gia đình ông Trần Văn Đ diện tích đất rừng mà gia đình ông Đ đang trồng cây diện tích khoảng 5,5 ha. Phần còn lại của ông, ông toàn quyền quyết định. Yêu cầu ông Đ chấm dứt hành vi cản trở việc khai thác sử dụng đất của ông Nguyễn Trung H đã mua đất của ông. Số tiền ông bán cho ông H là 490.000.000 đồng, hiện nay ông T (con ông) đang quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thà trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Văn Đ. Bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của chồng mình. Bà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền Thê khoán rừng trồng hộ giữa ông Trần M và ông Nguyễn Trung H đối với thửa đất rừng nói trên và giao lại diện tích đất đó cho hộ gia đình ông bà ký hợp đồng Thê khoán với Ban quản L rừng phòng hộ huyện T vì diện tích đất rừng này nằm trong 7,5 ha đất mà hộ ông bà được nhận khoán với Lâm trường T (năm 1995) nhưng do cha là ông Trần M đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:

Năm 1999 cha ông là ông Trần M ký hợp đồng khoán gây trồng rừng phòng hộ với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T theo chương trình 327, thời hạn khoảng 30 năm, diện tích nhận khoán là 13,7 ha tại thửa đất Thộc lô 647, khoảnh 7, tiểu khu 228 Thận Ninh, B, T, Bình Định. Trong đó hộ gia đình cha ông thực tế được khoán là 5 ha và mua thêm của bà Phạm Thị N 6,2 ha và xin của bà Nguyễn Thị Như (chết) diện tích còn lại. Ông M đã quản lý, trồng một phần diện tích trong tổng diện tích nhận khoán, giao hộ ông Đ quản lý, trồng một phần diện tích. Vào tháng 5/2018 ông Trần M đã thỏa Thận chuyển nhượng quyền Thê khoán đất rừng cho ông Nguyễn Trung

H đối với diện tích 6,96 ha là diện tích mà ông M trực tiếp nhận quản lý, trồng trọt; giá chuyển nhượng là 490.000.000 đồng, ông biết việc này và ông là người quản L số tiền 490.000.000 đồng nói trên. Nay ông Trần Văn Đ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền Thê khoán đất rừng phòng hộ giữa ông Trần M và ông Nguyễn Trung H và giao lại diện tích đất đó cho hộ gia đình ông Trần Văn Đ ký hợp đồng Thê khoán với lý do diện tích đất rừng này nằm trong 7,5 ha đất mà hộ ông Đ được nhận khoán với Lâm trường T (năm 1995) thì ông không thống nhất. Trong tổng diện tích 13,7 đất rừng trên thì hộ gia đình của cha ông chỉ được nhận khoán với Lâm trường là 7,5 ha, phần còn lại là do cha ông xin và mua người khác nên cha ông toàn quyền định đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H trình bày:

Tháng 5/2018 ông Trần M tuổi già sức yếu không có khả năng canh tác nên chuyển nhượng quyền nhận khoán gây trồng rừng cho ông với diện tích 6,96 ha tại thửa đất Thộc lô 647, khoảnh 7, tiêu khu 228 Thuận Ninh, B, T, Bình Định (nằm trong thửa đất mà hộ ông Trần M đang Thê khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T) với giá là 490.000.000 đồng, ông Trần M và ông Trần Văn T (con ông M) đã nhận số tiền này. Nay ông Trần Văn Đ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền khoán gây trồng rừng giữa ông Trần M với ông và buộc giao lại diện tích đất trên cho hộ gia đình ông Trần Văn Đ ký hợp đồng Thê khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T thì ông không thống nhất; việc chuyển nhượng giữa ông và ông Trần M là hợp pháp, đã thực hiện xong, ông đã ký hợp đồng khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T, hiện đang quản lý đất rừng theo quy định, đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu Tòa án buộc phải hủy hợp đồng thì ông yêu cầu ông M trả lại cho ông số tiền 490.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất quy định của pháp luật từ ngày chuyển nhượng đến khi xét xử xong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tho, bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Văn Thi, ông Trần Văn H trình bày:

Các ông bà là con ruột của ông Trần Văn Đ, các ông bà đều thống nhất như trình bày của ông Đ và cùng yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền Thê khoán rừng trồng phòng hộ trên thửa đất rừng trên giữa ông Trần M với ông Nguyễn Trung H và giao lại diện tích đất trên cho hộ gia đình của các ông bà ký hợp đồng Thê khoán với Ban quản L rừng phòng hộ huyện T vì với lý do diện tích đất rừng này nằm trong 7,5 ha đất mà hộ ông Đ được nhận khoán với Lâm trường T (năm 1995) nhưng do ông nội tên Trần M đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý phòng phòng hộ huyện T trình bày:

Vào ngày 01/6/1999 ông Trần M đại diện hộ gia đình ký kết hợp đồng khoán số 70/95/HĐK với Lâm trường T. Đối tượng giao kết hợp đồng này là ông Trần M (các thành viên trong gia đình ông M không có tên trong hợp đồng giao khoán, việc ký hợp đồng không dựa trên nhân khẩu của hộ vì đây là chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc không phải chương trình xóa đói, giảm nghèo). Diện tích mà hộ ông Trần M nhận khoán là 13,7 ha, trong đó hộ ông Trần M nhận khoán ban đầu là 7,5 ha (theo hợp đồng khoán của bà Phạm Thị N từ hợp đồng khoán số 44/HĐK ngày 30/6/1995) và 6,2 ha ông M chuyển nhượng quyền Thê khoán của bà Phạm Thị N từ hợp đồng khoán số 47/HĐK ngày 01/6/1999 của bà N. Việc ký hợp đồng ghi tên ông M, còn có ghi là đại diện hộ. Nhưng thực chất từ ban đầu thỏa thuận giao kết hợp đồng, ký hợp đồng, nhận tiền công, thực hiện các công việc theo hợp đồng đều do ông M trực tiếp thực hiện và quan trọng nhất là khi có vi phạm xảy ra thì chỉ truy cứu trách nhiệm của người ký hợp đồng là ông M. Thời điểm ký hợp đồng với ông M thì chưa có quy định về giới hạn độ tuổi được quyền ký hợp đồng, chỉ dựa theo khả năng của người ký. Hợp đồng khoán rừng trồng được chuyển nhượng từ ông Trần M sang ông Nguyễn Trung H đã được chuyển nhượng theo đúng trình tự pháp luật với diện tích 6,96 ha, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện đã ký hợp đồng khoán với ông M còn giữ lại diện tích 6,74 ha tiếp tục quản lý (Hợp đồng số 02/HĐK-TR ngày 20/4/2018). Ông H nhận khoán và thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng, không có căn cứ để hủy hợp đồng này của ông H. Thời hạn hợp đồng khoán giữa ông Trần M và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T còn lại 06 năm. Tuy nhiên ông Trần M đã già yếu, diện tích rừng trồng 5 ha tại lô c khoảnh 3, tiểu khu 241 giao khoán N 1996 và lô 6 +7 (6,74 ha) tiểu khu 228 giao khoán N 1995 là do ông Trần M đứng tên nhưng thực tế hiện do gia đình ông Trần Văn Đ đang quản lý. Như vậy, hiện nay gia đình ông Trần Văn Đ đang canh tác và sử dụng hai lô rừng trồng từ năm 1995, 1996 với diện tích là 11,74 ha.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ về việc yêu cầu hủy bỏ giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền khoán trồng rừng ngày 20/4/2018 giữa ông Trần M và ông Nguyễn Trung H đối với diện tích 6,96 ha Thộc lô 647 khoảnh 7, tiểu khu 228 tọa lạc tại thôn thuận Ninh, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Thả, các ông bà Trần Thị Tho, Trần Thị Ch, ông Trần Văn Thi, ông Trần Văn H về việc giao lại diện tích đất 6,96 ha nói trên cho hộ gia đình ông Đ để ký hợp đồng Thê khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T vì ban quản lý rừng phòng hộ huyện T không đồng ý, không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Không xem xét đối với khoản tiền 490.000.000 đồng (giá trị hợp đồng chuyển nhượng nói trên) vì không có bên nào yêu cầu giải quyết

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/9/2020, ông Trần Văn Đ kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Đ. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 N 2020 của Toà án nhân dân huyện T để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Văn Đ, HĐXX thấy rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. bởi lẽ:

[1.1] Thứ nhất, về hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ giữa ông Trần M và Lâm trường T: Ông Trần M ký kết Hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ số: 70/95/HĐK với Lâm trường T ngày 01/6/1999, với mục đích là bảo vệ nuôi dưỡng và phát triển rừng tốt theo yêu cầu phòng hộ của các công trình và của địa phương, diện tích mà ông Trần M nhận khoán là 13,7 ha (trong đó ông Trần M nhận khoán ban đầu là 7,5 ha của Lâm trường T và 6,2 ha ông M chuyển nhượng quyền nhận khoán của bà Phạm Thị N từ hợp đồng khoán số: 47/HĐK ngày 01/6/1999 của bà N). Trong hợp đồng ghi ông

Trần M là đại diện hộ ký kết hợp đồng, nhưng các thành viên trong hộ gia đình ông M không có tên trong hợp đồng và do đây là chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, không phải chương trình xóa đói, giảm nghèo nên việc ký hợp đồng không dựa trên nhân khẩu của hộ để cân đối giao quyền nhận khoán gây trồng rừng. Sau khi giao kết hợp đồng, việc nhận tiền công, thực hiện các công việc theo hợp đồng đều do ông M trực tiếp thực hiện và khi có vi phạm hợp đồng xảy ra thì người trực tiếp ký hợp đồng tức là ông Trần M phải chịu trách nhiệm, chứ không được xử lý các thành viên của hộ gia đình ông M (theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số : 01/CP ngày/01/1995 của Chính phủ). Mặt khác, tại thời điểm Lâm trường T và ông Trần M ký hợp đồng giao khoán trồng rừng chưa có quy định về giới hạn độ tuổi được quyền ký hợp đồng mà chỉ dựa theo khả năng của người ký, do đó lúc này ông M tuy đã hết tuổi lao động, nhưng vẫn là đối tượng được nhận giao khoán trồng rừng. Hơn nữa, theo thỏa thuận tại mục 3.1.7 Điều III của hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ số: 70/95/HĐK giữa ông Trần M với Lâm trường T ngày 01/6/1999 đã ghi rõ: “ *Khi thời gian nhận khoán theo hợp đồng đã ký chưa kết thúc, do hoàn cảnh khách quan không thể tiếp tục nhận khoán nữa, bên B có thể chuyển nhượng quyền nhận khoán cho người khác và được thanh toán phần hợp đồng trong thời gian đã thực hiện để bên A lập hợp đồng khoán với người đó.*”. Do đó, ông M có toàn quyền quyết định trong việc sang nhượng quyền nhận khoán trồng rừng cho người khác theo thỏa thuận nêu trên.

[1.2] Thứ hai, về việc chuyển nhượng quyền được nhận giao khoán trồng rừng giữa ông Trần M và ông Nguyễn Trung H: Theo như Hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ số: 70/95/HĐK ngày 01/6/1999 giữa ông Trần M và Lâm trường T thì diện tích ông M được giao khoán là 13,7 ha. Ngày 18/4/2018, ông M và ông H thỏa thuận ông M chuyển giao cho ông H quyền nhận khoán trồng rừng với diện tích là 6,96 ha nằm trong diện tích 13,7 ha mà ông M Nhận khoán của Lâm trường T. Việc chuyển nhượng quyền nhận khoán trồng rừng giữa ông M và ông H là đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định, phù hợp với thỏa Thuận tại mục 3.1.7 Điều III của hợp đồng khoán trồng rừng phòng hộ số: 70/95/HĐK giữa ông Trần M với Lâm trường T ngày 01/6/1999 như: Ông M có đơn xin chuyển nhượng rừng trồng có xác nhận của chính quyền địa phương; ông M được toàn quyền chuyển quyền nhận khoán trồng rừng; thỏa Thuận giữa ông M và ông H là tự nguyện; ông M đã giao đủ diện tích rừng được khoán, đã nhận đủ tiền chuyển nhượng quyền từ ông H và hai bên cũng đã thực hiện đầy đủ thủ tục với là chủ sử dụng đất là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T, đồng thời Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T cũng đã tiến hành tách diện tích ông H nhận quyền khoán

trồng rừng ra khỏi diện tích 13,7 ha của ông M để ông H ký hợp đồng khoán với Ban quản L rừng phòng hộ huyện T. Do giao dịch chuyển nhượng quyền nhận khoán trồng rừng giữa ông M và ông H không bị vi phạm về hình thức và nội dung mà pháp luật đã quy định nên đã hoàn thành.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Trần Văn Đ là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 N 2020 của Tòa án nhân dân huyện T

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng, ông Trần Văn Đ đã nộp chi xong. Theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Trần Văn Đ phải chịu chi phí này.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, 165, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015; các Điều 116, 117, 119, 192, 194 Bộ luật Dân sự N 2015; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 N 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền khoán trồng rừng ngày 20/4/2018 giữa ông Trần M và ông Nguyễn Trung H đối với diện tích 6,96

ha Thộc lô 647 khoảnh 7, tiểu khu 228 tọa lạc tại thôn thuận Ninh, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Thả, các ông bà Trần Thị Tho, Trần Thị Ch, ông Trần Văn Thi, ông Trần Văn H về việc giao lại diện tích đất 6,96 ha nói trên cho hộ gia đình ông Đ để ký hợp đồng Thê khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T vì ban quản lý rừng phòng hộ huyện T không đồng ý, không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai Th tiền số: 006281 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai Th tiền số: 0006927 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3.3 về chi phí tố tụng: Trần Văn Đ phải chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Số tiền này ông Đ đã nộp chi xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm Nguyễn Thị Hoài Xuân

Võ Công Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng N 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00' ngày tháng N 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm, ông Nguyễn Thanh Tuấn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ L số 65/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 N 2020 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Nhiều; cư trú tại: Khu phố Cửu Lợi Bắc, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:*

1. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Thừa, bà Thái Thị Mận; cùng cư trú tại: Khu phố Cửu Lợi Bắc, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bà Nguyễn Thị Bình; cư trú tại: Khu phố 3, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Kế; cư trú tại: Khu phố Cửu Lợi Bắc, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Ông Huỳnh Văn Liêm; cư trú tại: Khu phố Cửu Lợi Ta, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Văn Hải; cư trú tại: Khu phố 3, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Ông Nguyễn Văn Tín; cư trú tại: Khu phố Cửu Lợi Bắc, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Nhiều là nguyên đơn trong vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT 3/3,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015; Điều 117, 122, 123, 129, 131, 430, 500, 502 Bộ luật Dân sự N 2015, Điều 95 luật đất đai 2013; khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
Tuyên xử:

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự N 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30' ngày tháng N 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Công Phương